

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THỊNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 06-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THỊNH, TỈNH TÂY NINH

- *TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phúc

Ông Lê Minh Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Chòm D, xã Đồng Kh, huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1968

Địa chỉ: G103/5D, khu phố 1, phường 4, tH1nh phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

- Chị Lý Thị Trúc M, sinh năm 1979

HKTT: ấp Sa Ng, xã An C, huyện Châu TH1, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp Chòm D, xã Đồng Kh, huyện Châu TH1, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Thân Văn H, sinh năm 1980

HKTT: ấp Sa Ngh, xã An C, huyện Châu TH1, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Thân Thị Ngọc H1, sinh năm 2001

HKTT: ấp Sa Ng, xã An C, huyện Châu TH1, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Thái H3, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Chòm D, xã Đồng Kh, huyện Châu TH1, tỉnh Tây Ninh.

Ông Tr có mặt; chị và chị H1 vắng mặt không có lý do; anh H và chị H3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Chị Trần Thị Thùy làm chủ hội, chị Lý Thị Trúc M có tham gia chơi hội cụ thể như sau:

- Hội 2.000.000 đồng khai ngày 06/8/2019 ÂL gồm 31 phần, mãn hội ngày 06/01/2022 ÂL (do nhuận 2 tháng 4 năm 2020), chị tham gia 05 phần, đã hót 03 phần vào các ngày:

+ Ngày 06/9/2019 ÂL chị hót hội. Ngày 09/9/2019 ÂL chị đăng hội, do chị không có ở nH1 nên chị đăng tiền hội cho mẹ chị nhận dùm, sau đó mẹ chị đưa lại cho chị giấy đăng hội có chữ ký của anh Thân Văn H là chồng cũ của chị. Chị không trực tiếp thấy anh H ký vào giấy đăng hội này.

+ Ngày 06/10/2019 ÂL chị hót hội. Ngày 09/10/2019 ÂL chị đăng hội cho chị. Chị trực tiếp ký nhận tiền và chị đã thừa nhận có nợ tiền hội chết này.

+ Ngày 06/01/2020 ÂL chị hót hội. Ngày 09/01/2020 ÂL chị đăng hội, do chị không có ở nH1 nên chị đăng tiền hội cho con gái ruột chị là Thân Thị Ngọc H1 nhận và ký nhận vào giấy đăng hội.

Chị đóng 03 phần hội chết đến tháng 02/2020 ÂL được 07 lần thì ngưng. Chị còn nợ lại số tiền như sau: 2.000.000 đồng x 3 phần x 24 lần = 144.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị xin rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền hội chết đã đăng cho mẹ chị trong đây hội 2.000.000 vì chứng cứ chưa đầy đủ, cụ thể: 2000.000 đồng x 24 = 48.000.000 đồng.

Đối với 02 phần hội sống, chị đóng hội sống từ ngày 06/8/2019 ÂL đến ngày

06/02/2020 ÂL thì ngưng. Theo đơn khởi kiện chị ghi chị đóng hội đến tháng 5/2020 ÂL là do chị nợ hội chết không đóng nên chị không cho chị tham gia hội nữa, chị tính toán tiền hội sống trả lại cho chị nhưng chị không đưa tiền mà trừ vào các phần hội chết chưa đóng mới tính toán đến tháng 05/2020 ÂL. Thực tế chị đóng hội chết và hội sống cho chị chỉ đến tháng 02/2020 ÂL là 07 lần thì ngưng tất cả. Chị nhiều lần liên hệ chị để đòi tiền hội và thông báo sẽ ngưng cho chị tham gia hội nhưng chị không có ý kiến gì. Chị đồng ý khấu trừ tiền hội sống cho chị theo số tiền thực tế chị đóng, cộng thêm cho chị mỗi lần đóng hội sống là 150.000 đồng, cụ thể:

Tháng 8/2019 ÂL: đóng 1.280.000 đồng;

Tháng 9/2019 ÂL: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 10/2019 ÂL: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 11/2019 ÂL: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 12/2019 ÂL: đóng 1.500.000 đồng;

Tháng 01/2020 ÂL: đóng 1.450.000 đồng;

Tháng 02/2020 ÂL: đóng 1.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền thực tế đã đóng: 9.930.000 đồng + 150.000 đồng x 7 lần = 10.980.000 đồng x 2 phần = 21.960.000 đồng. Như vậy, số tiền chị yêu cầu chị trả đối với đây hội 2.000.000 đồng là 144.000.000 đồng – 48.000.000 đồng – 21.960.000 đồng = 74.040.000 đồng.

- Hội 500.000 đồng khai ngày 14/5/2019 ÂL gồm 26 phần, mãn hội ngày 14/5/2021 ÂL (do nhuận 2 tháng 4 năm 2020) chị tham gia 03 phần, đã hót 03 phần vào các ngày:

+ Ngày 14/7/2019 ÂL chị hót hội. Ngày 17/7/2019 ÂL chị đăng hội, do chị không có ở nH1 nên chị đăng tiền hội cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 (người nH1 chị) nhận dùm. Sau khi chị H3 đưa tiền lại cho chị thì chị có ký nhận chữ “” vào giấy đăng hội và đưa giấy đăng hội cho chị H3, sau đó chị H3 đưa lại chị.

+ Ngày 14/8/2019 ÂL chị hót hội. Ngày 18/8/2019 ÂL chị đăng hội cho chị. Chị là người trực tiếp ký nhận tiền và chị đã thừa nhận còn nợ tiền hội chết này.

+ Ngày 14/12/2019 ÂL chị hót hội. Ngày 17/12/2019 ÂL chị đăng hội, do chị không có ở nH1 nên chị đăng tiền hội cho con gái ruột chị là Thân Thị Ngọc H1 nhận và ký nhận vào giấy đăng hội ngày 17/12/2019 ÂL.

Đối với dây hụi 500.000 đồng, chị đóng hụi chết cũng đến tháng 02/2020 ÂL được 10 lần thì ngưng. Do đó, tiền hụi chết còn nợ lại là 500.000 đồng x 16 lần x 3 phần = 24.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2021, Chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị trả tiền hụi, không yêu cầu anh H và chị H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Nay chị yêu cầu chị trả số tiền hụi là 74.040.000 đồng + 24.000.000 đồng = 98.040.000 đồng, không tính lãi.

Đối với chi phí giám định yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020 chị Lý Thị Trúc M trình bày:

Chị có tham gia chơi hụi do chị Trần Thị Thùy làm chủ hụi, cụ thể:

- Hụi 2.000.000 đồng khai ngày 06/8/2019 ÂL gồm 31 phần, mãn hụi ngày 06/01/2022 ÂL (do nhuận 2 tháng 4 năm 2020), chị tham gia 03 phần, đã hốt 01 phần vào ngày 06/10/2019 ÂL, còn lại 02 phần hụi sống nhưng chị không cho chị tiếp tục tham gia. Chị thống nhất số tiền hụi sống thực tế chị đã đóng như chị trình bày của 07 lần là 9.930.000 đồng/phần hụi.

- Hụi 500.000 đồng khai ngày 14/5/2019 ÂL gồm 26 phần, mãn hụi ngày 14/5/2021 ÂL (do nhuận 2 tháng 4 năm 2020) chị tham gia 01 phần, đã hốt vào ngày 19/8/2019 ÂL.

Cả hai dây hụi chị đều đóng đến tháng 02/2020 thì ngưng do điều kiện kinh tế gặp khó khăn. Chị không biết việc chị đăng tiền hụi cho mẹ ruột chị cũng như chị H3 hay con gái chị là Thân Thị Ngọc H1 nhận thay. Ai chơi hụi thì người đó hốt và nhận tiền, chị không chơi các phần hụi này nên không biết gì. Riêng giấy đăng hụi ngày 14/7/2019 có chữ ký nhận tên "" chị xác định không pH chữ ký của chị. Chị chỉ đồng ý trả cho chị số tiền hụi chết còn nợ là 2.000.000 đồng x 24 lần = 48.000.000 đồng và 500.000 đồng x 16 lần = 8.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 56.000.000 đồng. Đồng thời chị pH khấu trừ số tiền của 02 phần hụi sống chị đã đóng, cộng thêm mỗi lần đóng là 200.000 đồng cho chị, cụ thể: 9.930.000 đồng + 7 lần x 200.000 đồng = 11.330.000 đồng x 2 phần = 22.660.000 đồng. Như vậy, số tiền chị còn nợ là 56.000.000 đồng – 22.660.000 đồng = 33.340.000 đồng. Chị xác định đây là nợ riêng, không yêu cầu anh Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2020 anh Thân Văn H trình bày:

Anh và chị Lý Thị Trúc là vợ chồng, đến ngày 23/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết ly hôn cho anh chị. Khi ly hôn chị

không đề cập đến khoản tiền nợ hui này. Trong thời gian chung sống với chị anh cũng không biết chị có tham gia chơi hui. Anh không biết chị là ai cũng như không nhận bất cứ khoản tiền đăng hui nào do chị giao. Anh xác định đây là khoản nợ riêng của chị, không liên quan đến anh, anh không có trách nhiệm trả nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2021 chị Nguyễn Thái H3 trình bày:

Chị là người nH1 của chị Lý Thị Trúc. Năm 2019, chị là chủ hui có đến nH1 mẹ chồng chị để tìm chị đăng hui nhưng chị không có ở nH1 nên chị đã nhận tiền thay. Số tiền nhận là bao nhiêu chị không nhớ được do thời gian đã lâu. Sau đó chị đưa lại tiền đăng hui cho chị. Chị ký tên vào giấy đăng hui và đưa giấy đăng hui cho chị để chị đưa lại cho chị. Sau khi được Tòa án cho xem giấy đăng hui ngày 17/7/2019 số tiền đăng là 8.340.000 đồng chị xác định đúng là giấy đăng hui và số tiền chị đã nhờ chị đưa cho chị. Ngoài ra chị H3 không trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng chị Lý Thị Trúc và chị Thân Thị Ngọc H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị có nghĩa vụ trả tiền hui cho chị là 42.040.000 đồng, ghi nhận chị không yêu cầu tính lãi. Chị không yêu cầu anh H và chị H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui là 98.040.000 đồng, chị rút yêu cầu ngày 08/4/2021 đối với anh H và chị H1, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của chị không yêu cầu anh H và chị H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui là 98.040.000 đồng theo điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lý Thị Trúc, anh Thân Văn H, chị Thân Thị Ngọc H1 cư trú tại huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau quá trình đến Tòa án làm việc, chị thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện cũng như Tòa án biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án nhân dân huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Lý Thị Trúc, chị Thân Thị Ngọc H1 đã được Tòa án tiến H1nh tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến H1nh xét xử vắng mặt chị và chị H1. Anh H, chị H3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến H1nh xét xử vắng mặt anh H, chị H3.

Về nội dung vụ án:

[3] Đối với số lượng phần hui chị Lý Thị Trúc tham gia:

Chị Trần Thị Thùy trình bày chị Lý Thị Trúc tham gia 05 phần hui 2.000.000 đồng, đã hót 03 phần, còn lại 02 phần và tham gia 03 phần hui 500.000 đồng, đã hót 03 phần. Nhưng chị chỉ thừa nhận tham gia 03 phần hui 2.000.000 đồng, đã hót 01 phần, còn lại 02 phần hui sống và tham gia 01 phần hui 500.000 đồng đã hót xong. Như vậy, lời khai của các đương sự có mâu thuẫn, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị cung cấp sổ hui, trong đó thể hiện với dây hui 500.000 đồng người chơi tên “Chị” là 03 phần; dây hui 2.000.000 đồng người chơi tên “Chị (2 Leo)” là 03 phần, 02 phần còn lại ghi tên “Chị Hồng; Chị Nhọn”. Chị nêu lý do ghi thêm tên người chơi khác bên cạnh là do đây là 02 phần hui sống, chị không đóng hui chết nên chị không cho chơi tiếp, lấy lại cho người khác tham gia. Chị thừa nhận có việc chị không cho chị chơi tiếp 02 phần hui sống, tự ý lấy lại cho người khác chơi. Quá trình tòa án xác minh một số hui viên cùng tham gia dây

hội 2.000.000 đồng và 500.000 đồng thì đều xác định chị tham gia tổng cộng là 05 phần hội 2.000.000 đồng và 03 phần hội 500.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định số lượng phần hội 2.000.000 đồng chị tham gia là 05 phần, số lượng phần hội 500.000 đồng chị tham gia là 03 phần.

[4] Đối với các phần hội chị thừa nhận đã hót:

Chị thừa nhận ngày 06/10/2019 ÂL đã hót 01 phần hội 2.000.000, ngày 14/8/2019 ÂL đã hót 01 phần hội 500.000 đồng. Chữ ký trong các giấy đăng hội ngày 09/10/2019 ÂL và ngày 18/8/2019 ÂL là do chị nhận tiền và ký tên. Chị đóng hội chết đến tháng 02 năm 2020 ÂL được 07 lần thì ngưng. Do đó chị có trách nhiệm trả cho chị tiền hội chết là $2.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ lần} = 48.000.000 \text{ đồng}$ và $500.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ lần} = 8.000.000 \text{ đồng}$, tổng cộng số tiền là 56.000.000 đồng.

[5] Đối với phần hội 500.000 đồng theo giấy đăng hội ngày 17/7/2019 ÂL:

Chị Nguyễn Thái H3 đã xác định có sự việc nhận thay tiền đăng hội, chị đã giao lại cho chị, chị ký tên vào giấy đăng hội là phù hợp với lời trình bày của chị. Trong Giấy đăng hội ngày 17/7/2019 ÂL có chữ ký người nhận là “” nhưng chị không thừa nhận. Tuy nhiên, theo kết quả giám định số 2414/C09B ngày 11/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại tHnh phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký “” trong Giấy đăng hội ngày 17/7/2019 ÂL so với chữ ký đứng tên Lý Thị Trúc trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Do đó, có đủ căn cứ buộc chị có trách nhiệm trả cho chị số tiền hội chết còn nợ của lần đăng hội ngày 17/7/2019 ÂL là $500.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ lần} = 8.000.000 \text{ đồng}$.

[6] Đối với các giấy đăng hội do chị Thân Thị Ngọc H1 ký nhận:

Chị yêu cầu chị trả tiền hội chết còn lại của lần đăng hội 2.000.000 đồng ngày 17/12/2019 ÂL và lần đăng hội 500.000 đồng ngày 09/01/2020 ÂL mà chị đã đăng tiền hội cho chị nhưng không gặp nên giao lại cho con gái ruột chị là Thân Thị Ngọc H1 nhận tiền, giấy đăng hội thì chị H1 ký nhận. Số tiền chị H1 nhận dùm chị của hai lần đăng hội là 54.080.000 đồng. Xét thấy, chị chỉ đến Tòa án trình bày ý kiến giai đoạn đầu, sau đó chị thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo, không tiếp tục đến Tòa án trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi cho mình. Chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H3 giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án. Đây là thuộc trường hợp cố tình không đến Tòa án, tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự

chị và chị H1 có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu không thực hiện quyền này thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Kết quả giám định số 2414/C09B ngày 11/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký “H1”, chữ viết “ Thân Thị Ngọc H1” trong Giấy đăng hui ngày 17/12/2019 ÂL và ngày 09/01/2020 ÂL so với chữ ký, chữ viết của Thân Thị Ngọc H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Chị tham gia chơi hui của chị , nếu đến ngày đăng hui mà chưa nhận được tiền đăng theo lệ thường sẽ tìm chị để hỏi. Tuy nhiên, sau khi chị đăng hui cho chị thông qua chị H1 thì chị không có ý kiến gì. Giấy đăng hui thể hiện rõ nội dung hui do chị tham gia, giữa chị và chị H1 là mẹ con ruột nếu chị nói không biết là không phù hợp. Tháng 12/2019 ÂL và tháng 01/2020 ÂL chị đăng hui cho chị H1 nhưng tiền hui chết chị là người đóng đến tháng 02/2020 ÂL. Như vậy, có đủ căn cứ để buộc chị Lý Thị Trúc trả cho chị số tiền hui chết còn nợ là 2.000.000 đồng x 24 lần = 48.000.000 đồng và 500.000 đồng x 16 lần = 8.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 56.000.000 đồng của các phần hui do chị H1 ký nhận tiền đăng hui. Giữa chị và chị H1 nếu có tranh chấp về việc giao nhận số tiền hui 54.080.000 đồng thì giải quyết trong vụ án khác.

[7] Đối với 02 phần hui sống 2.000.000 đồng:

Cả chị và chị đều thống nhất số tiền hui sống thực tế đã đóng của 07 lần/phần hui là:

Tháng 8/2019: đóng 1.280.000 đồng;

Tháng 9/2019: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 10/2019: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 11/2019: đóng 1.400.000 đồng;

Tháng 12/2019: đóng 1.500.000 đồng;

Tháng 01/2020: đóng 1.450.000 đồng;

Tháng 02/2020: đóng 1.500.000 đồng.

Tổng cộng là 9.930.000 đồng. Xét thấy do chị không đóng hui là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng nên chị có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự. Chị có quyền yêu cầu chị thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện theo. Do đó, yêu cầu khấu trừ tiền gốc đã đóng và cộng thêm mỗi lần đóng hui số tiền 200.000 đồng của chị là không

phù hợp. Chị chỉ đồng ý cộng thêm mỗi lần đóng hội 150.000 đồng, tổng cộng 2.100.000 đồng là có lợi cho chị nên cần ghi nhận, xác định số tiền hội sống được khấu trừ là: 9.930.000 đồng + 150.000 đồng x 7 lần = 10.980.000 đồng x 2 phần = 21.960.000 đồng.

Như vậy, chị Lý Thị Trúc có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Thùy số tiền hội chết, cụ thể:

- Dây hội 2.000.000 đồng: 2.000.000 đồng x 2 phần x 24 lần = 96.000.000 đồng;

- Dây hội 500.000 đồng: 500.000 đồng x 3 phần x 16 lần = 24.000.000 đồng;

Tổng cộng là 120.000.000 đồng, khấu trừ tiền hội sống là 21.960.000 đồng, còn lại là 98.040.000 đồng, không tính lãi. Trong đó, tiền hội đến hạn là 90.040.000 đồng, hội chưa đến hạn là 8.000.000 đồng trả theo kỳ hội, cụ thể như sau:

Tháng 12/2021 ÂL trả 4.000.000 đồng.

Tháng 01/2022 ÂL trả 4.000.000 đồng.

Ghi nhận chị và chị không yêu cầu anh Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ. Ghi nhận chị không yêu cầu chị Thân Thị Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả nợ

[8] Trước khi mở phiên tòa xét xử, chị có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội chết 48.000.000 đồng của dây hội 2.000.000 đồng vì chứng cứ chưa đầy đủ. Đây là khoản tiền chị đăng hội cho chị nhưng giao trực tiếp cho mẹ chị nhận thay ngày 09/9/2019 ÂL, chữ ký trong giấy đăng hội lại là của anh H. Chị không trực tiếp thấy anh H ký vào giấy đăng hội này. Xét thấy viết rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị đối với số tiền 48.000.000 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh H và chị H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền hội. Trước khi mở phiên tòa xét xử chị thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu một mình chị trả tiền hội. Xét thấy việc thay đổi ý kiến của chị là tự nguyện nên cần ghi nhận. Đồng thời chị xác định tiền hội không liên quan đến anh H, là nợ riêng của chị, không yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm trả nợ. Do đó, ghi nhận chị và chị không yêu cầu anh Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ. Ghi nhận chị không yêu cầu chị Thân Thị Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả nợ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lý Thị Trúc pH chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 98.040.000 đồng x 5% = 4.902.000 đồng, chị được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về chi phí tố tụng khác: chị Lý Thị Trúc pH chịu chi phí giám định số tiền 3.300.000 đồng theo quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên chị có trách nhiệm hoàn trả cho chị tiền chi phí giám định là 3.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 244, Điều 161 và Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 428, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hội của chị Trần Thị Thùy T đối với chị Lý Thị Trúc M.

Buộc chị Lý Thị Trúc M có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Thùy T số tiền hội tổng cộng là 98.040.000 đồng, không tính lãi. Trong đó, tiền hội đến hạn là 90.040.000 đồng, hội chưa đến hạn là 8.000.000 đồng trả theo kỳ hội, cụ thể như sau:

Tháng 12/2021 ÂL trả 4.000.000 đồng.

Tháng 01/2022 ÂL trả 4.000.000 đồng.

Ghi nhận chị và chị không yêu cầu anh Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ. Ghi nhận chị không yêu cầu chị Thân Thị Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả nợ.

Giữa chị Lý Thị Trúc M và chị Thân Thị Ngọc H1 nếu có tranh chấp về việc

giao nhận số tiền đăng hui 54.080.000 đồng thì giải quyết trong vụ án khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án cho đến khi thi H1nh án xong, bên pH thi H1nh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi H1nh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị đối với số tiền 48.000.000 đồng. Chị Trần Thị Thùy T được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: chị Lý Thị Trúc M pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.902.000 đồng.

Chị Trần Thị Thùy T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.537.000 đồng theo biên lai thu số 0007621 ngày 13/10/2020 của Cơ quan thi H1nh án dân sự huyện Châu TH1nh, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng khác: chị Lý Thị Trúc M pH chịu chi phí giám định số tiền 3.300.000 đồng đồng. Do chị T đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên chị Lý Thị Trúc M có trách nhiệm hoàn trả cho chị Trần Thị Thùy T tiền chi phí giám định là 3.300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người pH thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu TH1nh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu

